

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	06-40
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11-40

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Takishita Akira	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc
---------------------	----------

Kế toán trưởng

Ông Phạm Xuân Lăng	Kế toán trưởng
--------------------	----------------

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thuong	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không; có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kê toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Đặng Việt Thăng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023



CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCCO

☎ Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
☎ 08 2509 2007 ☎ 0102374170 ☎ ascco@ascco.vn ☎ www.ascco.vn



Số: 27NV/2/2023/ASCO/BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kinh gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vinam tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc tới những thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 06 - Trả trước cho người bán ngắn hạn, tài thuyết minh này thể hiện số tiền Công ty và các công ty con ứng trước cho các nhà cung cấp theo hợp đồng đã ký kết với tổng số tiền đã ứng trước là 171.090.730.899 đồng. Tại ngày phát hành báo cáo soát xét này, Công ty và các công ty con đã thu hồi về số tiền 130.713.408.356 đồng trong tổng số tiền do các bên hủy hợp đồng. Trong số phải thu khách hàng này, có khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn 29.110.322.543 đồng theo Hợp đồng số 01/2020/HĐNT/CVN-NPN ngày 20/08/2020. Ngày 16/08/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 06.1608/2021/HĐNT/CVN-NPN sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 31/08/2023. Đến ngày 01/08/2023, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 07.0108/2023/HĐNT/CVN-NPN về việc chuyển đổi đối tượng của hợp đồng sang mặt hàng cà phê rang mộc 100% Robusta theo tiêu chuẩn Nhật Bản, tổng giá trị hàng hóa chưa chịu thuế GTGT là 29.568.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên đã giao được lượng hàng trị giá 11.746.944.000 đồng; phần còn lại của hợp đồng sẽ được thực hiện tiếp tục đến ngày 31/12/2023.

- Thuyết minh số 08: Hàng tồn kho, tài thuyết minh này thể hiện giá trị hàng hóa của Công ty có một phần là phần mềm chuyên dụng phục vụ hoạt động ngành y có giá trị 12.941.739.130 đồng, dự kiến sẽ tiếp tục tiêu thụ trong năm 2023 theo Nghị quyết phương án kinh doanh số 2906/2022/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2022.

- Thuyết minh số 09: Tài sản dở dang dài hạn, Công ty đang trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị tại các phòng khám Nguyễn Thái Sơn và phòng khám Ba Đình. Đến thời điểm soát xét, các phòng khám này vẫn chưa đi vào hoạt động. Ngoài ra, Công ty cũng đang lắp đặt hệ thống máy Pacs tại Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang và khu vực Tân Châu. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, hệ thống máy trên đang chờ nghiệm thu để đi vào hoạt động chính thức.

- Thuyết minh số 27: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, tài thuyết minh này đang thể hiện trong năm 2022. Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam (Công ty con) đang xác định doanh thu từ hoạt động sản xuất phần mềm trong kỳ là doanh thu được miễn thuế theo các quy định hiện hành. Hiện tại, Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam đã nộp hồ sơ chứng minh quá trình sản xuất phần mềm lên cơ quan thuế quản lý. Việc xác định doanh thu được miễn, giảm thuế này sẽ do Cơ quan thuế quản lý quy định.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi Kết luận của Kiểm toán viên.

Thuyết minh và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Ngọc Quân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán:

Số: 4493-2019-149-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

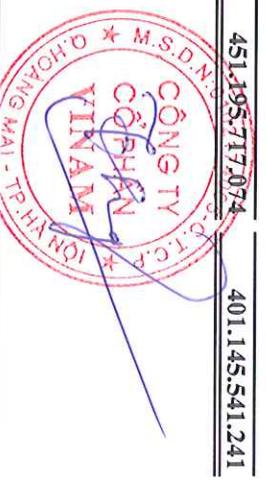
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023 VNĐ	01/01/2023 VNĐ
100 A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		411.233.290.481	355.403.152.216
110 I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	77.705.713.571	90.281.015.044
111 1.	Tiền		14.705.713.571	90.281.015.044
112 2.	Các khoản tương đương tiền		63.000.000.000	-
120 II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	28.000.039.713	39.713
121 1.	Chứng khoán kinh doanh		35.799.713	35.799.713
122 2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(35.760.000)	(35.760.000)
123 3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		28.000.000.000	-
130 III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		263.187.369.188	227.828.141.524
131 1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	91.828.729.906	109.780.942.316
132 2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	171.090.730.899	117.930.532.899
136 3.	Phải thu ngắn hạn khác	7	267.908.383	116.666.309
140 IV.	Hàng tồn kho	8	40.582.313.848	35.771.248.592
141 1.	Hàng tồn kho		40.582.313.848	35.771.248.592
150 V.	Tài sản ngắn hạn khác		1.757.854.161	1.522.707.343
151 1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12	141.090.256	56.113.476
152 2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.616.763.905	1.465.593.867
153 3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	1.000.000
200 B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		39.962.426.593	45.742.389.025
220 I.	Tài sản cố định		18.489.822.288	19.658.757.218
221 1.	Tài sản cố định hữu hình	10	11.636.822.284	12.010.090.549
222 -	<i>Nguyên giá</i>		13.015.937.511	12.767.422.606
223 -	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(1.379.115.227)	(757.332.057)
227 2.	Tài sản cố định vô hình	11	6.853.000.004	7.648.666.669
228 -	<i>Nguyên giá</i>		9.240.000.000	9.240.000.000
229 -	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(2.386.999.996)	(1.591.333.331)
240 II.	Tài sản dở dang dài hạn	9	19.602.500.411	24.087.916.679
242 1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.602.500.411	24.087.916.679
260 III.	Tài sản dài hạn khác		1.870.103.894	1.995.715.128
261 1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	1.867.583.894	1.995.715.128
262 2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.520.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		451.195.717.074	401.145.541.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		56.888.765.619	8.678.936.661
310	I. Nợ ngắn hạn		56.713.608.174	8.503.779.216
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	39.861.163.930	3.971.826.709
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	443.096.428	1.214.509.722
314	3. Phải trả người lao động		749.639.265	1.766.472.416
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	380.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	88.365.595	289.627.413
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	15.000.000.000	310.000.000
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	526.250.000	526.250.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		45.092.956	45.092.956
330	II. Nợ dài hạn		175.157.445	175.157.445
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		175.157.445	175.157.445
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		394.306.951.455	392.466.604.580
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	394.306.951.455	392.466.604.580
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		296.999.910.000	296.999.910.000
411a	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		296.999.910.000	296.999.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18.918.962.963	18.918.962.963
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		195.900.595	195.900.595
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66.109.024.647	64.830.635.986
421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		64.830.635.986	57.839.226.671
421b	- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		1.278.388.661	6.991.409.315
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		12.083.153.250	11.521.195.036
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		451.195.717.074	401.145.541.241

Phạm Thị Bích Liên
Người lậpPhạm Xuân Lăng
Kế toán trưởngĐặng Việt Thăng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Đơn vị tính	
		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	52.910.158.630	23.217.518.979	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	102.455	80.924.281	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		52.910.056.175	23.136.594.698	
11	4. Giá vốn hàng bán	21	46.763.492.761	10.487.473.329	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		6.146.563.414	12.649.121.369	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	800.553.767	20.947.926	
22	7. Chi phí tài chính	23	489.599.150	18.259.720	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		489.599.150	18.259.720	
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết:		-	-	
25	9. Chi phí bán hàng	24	411.216.779	12.911.262	
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.208.451.120	4.074.372.515	
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))		1.837.850.132	8.564.525.798	
31	12. Thu nhập khác		2.415.000	30.497.086	
32	13. Chi phí khác	26	186.259.495	66.332.363	
40	14. Lợi nhuận khác (40=31-32)		(183.844.495)	(35.835.277)	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		1.654.005.637	8.528.690.521	
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	416.178.762	419.682.262	
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(2.520.000)	-	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		1.240.346.875	8.109.008.259	
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		1.278.388.661	8.021.910.217	
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(38.041.786)	87.098.042	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28		43	405
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29			115

Phạm Thị Bích Liên
Người lậpPhạm Xuân Lăng
Kế toán trưởngĐặng Việt Thăng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
		VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	1.654.005.637	8.528.690.521
	2. Điều chỉnh cho các khoản	-	-
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	1.417.449.835	929.865.134
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(800.553.767)	(3.387.953)
06	- Chi phí lãi vay	489.599.150	18.259.720
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	2.760.500.855	9.473.427.422
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(31.057.821.358)	41.675.809.937
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(4.246.748.064)	(24.963.266.515)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	29.734.489.610	(17.399.620.022)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(6.053.618)	232.473.821
14	- Tiền lãi vay đã trả	(489.599.150)	(7.095.891)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.140.682.775)	(381.063.910)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(37.037.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.445.914.500)	8.593.627.805
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(364.371.364)	(11.173.179.310)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(28.000.000.000)	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.684.993.102	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	259.991.289	3.387.953
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(23.419.386.973)	(11.169.791.337)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
-------	----------	-------------	----------------------------------	----------------------------------

III LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000	970.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		15.000.000.000	350.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(310.000.000)	(200.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>15.290.000.000</i>	<i>1.120.000.000</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(12.575.301.473)	(1.456.163.552)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		90.281.015.044	8.646.594.565
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	3	77.705.713.571	7.190.431.013

Phạm Thị Bích Liên
Người lậpPhạm Xuân Lăng
Kế toán trưởng

Đặng Việt Thăng

Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 20 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 296.999.910.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến 30/06/2023 là 296.999.910.000 đồng; tương đương 29.699.991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty đang được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CVN theo Công văn ngày 29/07/2010. Ngày giao dịch cổ phiếu CVN đầu tiên là ngày 06/08/2010.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại 30/06/2023 là 52 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lắp, báo cáo nghiệm cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lắp, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;
- ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Cấu trúc Công ty**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 07
- Số lượng công ty con trực tiếp đã thoái vốn trong kỳ: 01
- Số lượng công ty con gián tiếp được hợp nhất: 03
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại ngày 30/06/2023

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ VND	Vốn thực góp tại 30/06/2023 VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo (1)	Lô A15, Cụm Công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	50.000.000.000	49.940.000.000	99,98%	99,98%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
- Công ty TNHH Vinam Vũng Áng (2)	Tổ dân phố Đông Trinh, Phường Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%	100,00%	Kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh chế biến bảo quản thực phẩm.
- Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (3)	03 Phan Văn Đạt, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	47.868.000.000	38.868.000.000	81,20%	81,20%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
- Công ty CP Công nghệ cao G7 (4)	Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H. Châu Thành, T. Hậu Giang	50.000.000.000	49.000.000.000	98,00%	98,00%	Sản xuất kinh doanh chế biến thuốc được phẩm thực phẩm chức năng các loại.
- Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình (5)	Số 37A Dốc Phụ sản, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	5.000.000.000	4.900.000.000	98,00%	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam (6)	Phòng số 302 tầng 3, Toà tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội	30.000.000.000	2.500.000.000	98,00%	98,00%	Lập trình phần mềm máy vi tính.
- Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học (7)	Số 3 Phố Cầu Đất, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	-	-	0,00%	0,00%	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

- (1) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tiền thân là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1811/2019/NQHĐQT/CVN ngày 18/11/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702024681 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp 5.940.000.000 đồng chiếm 99% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 4 ngày 07/09/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tăng vốn lên 50.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 49.940.000.000 đồng tương đương 99,98%. Đến 30/06/2023, Công ty đã góp đủ 49.940.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.
- (2) Công ty TNHH Vinam Vững Áng được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0907/2020/NQHĐQT/CVN ngày 09/07/2020. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002186193 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 07 năm 2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 24/8/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp tại 30/06/2023 là 20.000.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, Công ty Cổ phần Vinam đang trong quá trình tiến hành thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Vinam Vững Áng theo Nghị quyết số 1907/2023/NQ-HĐQT ngày 19/07/2023 của Hội đồng Quản trị.
- (3) Công ty TNHH Vinam Sài Gòn: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1410/2019/NQHĐQT/CVN ngày 14/10/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315980715 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp là 21.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 5 ngày 09/09/2022, Công ty TNHH Vinam Sài Gòn tăng vốn lên 47.868.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 38.868.000.000 đồng tương đương 81,20%. Đến ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ 38.868.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

- (4) Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345278 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 49.000.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ số vốn cam kết. Theo Nghị quyết số 1907.01/2023/NQ-HĐQT ngày 19/07/2023 của Hội đồng quản trị, Công ty góp bổ sung thêm 19.600.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7, tổng số vốn góp của Công ty sau khi bổ sung là 68.600.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết. Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 vẫn đang hoạt động bình thường.
- (5) Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 2907/2021/NQHĐQT/CVN ngày 29/07/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109729993 đăng ký lần đầu ngày 06/08/2021, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 4.900.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ 4.900.000.000 đồng. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình vẫn hoạt động bình thường.
- (6) Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0411/2021/NQHĐQT/CVN ngày 04/11/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109805330 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 27/06/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp tại ngày 30/06/2023 là 29.400.000.000 đồng, chiếm 98% vốn điều lệ. Tại ngày phát hành Báo cáo này, Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam vẫn hoạt động bình thường.
- (7) Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y học: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinam số 1012/2018/NQHĐQT/CVN ngày 10/12/2018. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2601021142 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam thực góp là 4.800.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 100% vốn điều lệ. Tại ngày 20/4/2023, Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y học bằng hình thức chuyển nhượng phần vốn góp. Giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y học tại thời điểm thoái vốn là 4.800.044.464 đồng. Số tiền thuần Công ty đã thu về từ hoạt động chuyển nhượng vốn là 4.684.993.102 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Danh sách các Công ty sở hữu gián tiếp tại ngày 30/06/2023

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u> VND	<u>Vốn thực góp</u> tại 30/06/2023 VND	<u>Tỷ lệ lợi</u> <u>ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu</u> <u>quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo (8)	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn	15.000.000.000	14.850.000.000	80,39%	80,39%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
- Công ty CP Công nghệ cao Y Tế và Môi trường Móng Cái Tokyo (9)	Khu 7, Phường Hải Yên, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh	10.000.000.000	9.900.000.000	98,98%	98,98%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn (10)	174 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	10.000.000.000	9.800.000.000	98,00%	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trú bệnh nhân).

- (8) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo được thành lập theo Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vinam Sài Gòn số 23/2021/QĐ-HĐTV ngày 01/11/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4900880900 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty TNHH Vinam Sài Gòn góp tại 30/06/2023 là 14.850.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 99% vốn điều lệ.
- (9) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo số 01/2021/NQHĐQT/HLTOKYO ngày 19/08/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5702095185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2021 với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo góp tại 30/06/2023 là 9.900.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 99% vốn điều lệ.
- (10) Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7 số 1910/2021/NQHĐQT/G7 ngày 19/10/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0317019828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2021 với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7 góp tại 30/06/2023 là 9.800.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 98% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiệu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.4 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2.5 . Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, để dâng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2.9 . Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khó ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chạy thử, chi phí kiểm định, chi phí bảo vệ/bảo mật trước các mã độc, virus có thể gây hại cho phần mềm và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để phần mềm máy tính ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ở mỗi thời, hòng, kiểm phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.11 . Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Phần mềm máy tính	05 - 10 năm
	03 - 08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chi được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thăng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quy) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với doanh thu bán hàng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khên thường, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khên thường, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là bán máy nông nghiệp. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động, kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và 21 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, hoạt động chính của Công ty diễn ra tại Thành phố Hà Nội. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.004.849.581	12.720.024.944
Các khoản tương đương tiền	1.700.863.990	77.560.990.100
	63.000.000.000	-
	77.705.713.571	90.281.015.044

Tại 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-
	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-

(*) Đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình có kỳ hạn 4 tháng, lãi suất từ 4,7% - 6%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	35.799.713	39.713	(35.760.000)	35.799.713	39.713	(35.760.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 Cổ phiếu) (i)	35.799.713	39.713	(35.760.000)	35.799.713	39.713	(35.760.000)
	35.799.713	39.713	(35.760.000)	35.799.713	39.713	(35.760.000)

(i) Là khoản đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang, mã chứng khoán BGM với mục đích để bán thu lợi nhuận. Mã chứng khoán này đang bị hạn chế giao dịch trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HOSE tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT35 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện SARA (1)	30.061.000.000	-	66.714.708.262	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	19.580.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật	10.915.340.000	-	4.514.680.000	-
Công ty Cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam	8.728.007.720	-	12.830.772.418	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	7.278.322.500	-	7.278.322.500	-
JWB CO.,LTD (2)	5.548.293.450	-	5.548.293.450	-
Công ty TNHH Thương mại AT & T	2.815.145.585	-	2.648.904.982	-
KYOTO F&B Co., LTD (3)	2.774.262.300	-	2.774.262.300	-
Công ty Cổ phần Phòng khám Hòa Bình	1.365.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Omega Việt Nam	730.963.151	-	1.031.095.056	-
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Nam Sài Gòn	-	-	2.372.982.174	-
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	-	-	2.372.982.174	-
Các đối tượng khác	2.032.395.200	-	1.693.939.000	-
	91.828.729.906	-	109.780.942.316	-

(1) Theo hợp đồng số 1506/2023/HĐKT/CVN-BVSR ngày 15/06/2023, Biên bản nghiệm thu và bàn giao ngày 30/06/2023, Công ty đã bàn giao thiết bị y tế (lò đốt rác y tế) cho Công ty Cổ Phần Đầu tư bệnh viện SARA với thời hạn thanh toán là 90 ngày kể từ khi hai bên bàn giao hàng hóa và chứng từ. Đến thời điểm soát xét báo cáo này, Công ty đã được thanh toán 14.335.000.000 đồng trong tổng số dư công nợ trên.

(2) Theo hợp đồng số 1306/2022/VN-JWB ngày 13/06/2022 giữa Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam và JWB Co.,Ltd về việc bán các phần mềm máy tính. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam đã thu hồi đủ số dư công nợ phải thu này.

(3) Theo hợp đồng số 1406/2022/VN-FB ngày 14/06/2022 giữa Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam và Kyoto F&B Co.,Ltd về việc bán các phần mềm máy tính. Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam đang đơn đốc thu hồi khoản công nợ phải thu này trong quý 3 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên (1)	29.110.322.543	-	29.110.322.543	-
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam (2)	38.650.000.000	-	38.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản (3)	22.188.438.356	-	22.188.438.356	-
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao (4)	69.874.970.000	-	24.375.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Máy nông nghiệp Hòa Bình (5)	11.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thiết bị Y tế Kiến Tạo	-	-	198.000.000	-
Trả trước các đối tượng khác	267.000.000	-	408.772.000	-
	171.090.730.899	-	117.930.532.899	-

(1) Công ty thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng số 01/2020/HĐNT/CVN-NPN ngày 20/8/2020. Ngày 16/08/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 06.1608/2021/HĐNT/CVN-NPN sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 31/8/2023. Đến ngày 01/8/2023, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 07.0108/2023/HĐNT/CVN-NPN về việc chuyển đổi đối tượng của hợp đồng sang mặt hàng cà phê rang mộc 100% Robusta theo tiêu chuẩn Nhật Bản, tổng giá trị hàng hóa chưa thuế GTGT là 29.568.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên đã giao được lượng hàng trị giá 11.746.944.000 đồng; phần còn lại của hợp đồng sẽ được thực hiện tiếp tục đến ngày 31/12/2023.

(2) Công ty thực hiện trả trước cho các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2709/2021/KTMN-VNSG giữa Công ty TNHH Vinam Sài Gòn và Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam ngày 27/09/2021. Ngày 15/3/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01/2022/KTMN-VNSG sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 27/03/2023. Số tiền Công ty TNHH Vinam Sài Gòn đã trả trước đến 30/06/2023 là 12.650.000.000 VND. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty TNHH Vinam Sài Gòn đã thu lại được toàn bộ số tiền ứng trước do 2 bên hủy hợp đồng.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 0907/2021/KTMN-CNCG7 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 và Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam ngày 09/07/2021. Ngày 30/06/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 02/2022/KTMN-CNCG7 sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 04/07/2023. Số tiền Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 còn trả trước đến 30/06/2023 là 26.000.000.000 VND. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 đã thu lại được toàn bộ số tiền ứng trước do 2 bên hủy hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

(3) Công ty thực hiện trả trước cho các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1503/2022/LS-KAN giữa Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo và Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản ngày 15/03/2022. Ngày 20/12/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 02 sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 30/06/2023. Số tiền Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo còn trả trước đến ngày 30/06/2023 là 12.688.438.356 VND. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo đã thu lại được toàn bộ số tiền ứng trước do 2 bên hủy hợp đồng.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1003/2022/MC-KAN giữa Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo và Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản ngày 10/03/2022. Ngày 20/12/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 02 sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 30/06/2023. Số tiền Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo đã trả trước đến ngày 30/06/2023 là 9.500.000.000 VND. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo đã thu lại được toàn bộ số tiền ứng trước do 2 bên hủy hợp đồng.

(4) Công ty thực hiện trả trước cho các Hợp đồng sau:

- Công ty Cổ phần Vinam trả trước cho các Hợp đồng mua bán máy nông nghiệp số 0506/HĐKT/CNC-CVN ký ngày 05/6/2023 (ứng trước số tiền 4.000.000.000 đồng) và Hợp đồng 0606/HĐKT/CNC/CVN ký ngày 06/06/2023 (ứng trước 49.999.970.000 đồng). Thời gian giao hàng theo hợp đồng là 180 ngày. Đến ngày 17/08/2023, hai bên ký biên bản hủy hợp đồng số 1708/2023/BBHHĐ thỏa thuận hủy hợp đồng số 0606/HĐKT/CNC/CVN. Đến ngày 25/08/2023, Công ty đã thu hồi đủ số tiền 49.999.970.000 đã ứng trước cho Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1509/2021/HĐMB/CNC-VNVA ngày 15/09/2021 giữa Công ty TNHH Vinam Vững Áng và Công ty TNHH Môi trường Y Tế Công Nghệ Cao. Ngày 10/03/2022 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01/2022/CNC-VNVA sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 15/03/2023. Số tiền Công ty TNHH Vinam Vững Áng đã trả trước đến ngày 30/06/2023 là 5.875.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty TNHH Vinam Vững Áng đã thu lại được toàn bộ số tiền ứng trước do 2 bên hủy hợp đồng.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1215/2021/PMVN-CNC ngày 15/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Phần mềm Vinam và Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao. Ngày 10/12/2022, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 02/2022/PMVN-CNC sửa đổi thời gian giao hàng, theo đó thời gian giao hàng được gia hạn đến 15/12/2023. Số tiền Công ty Cổ phần Sản xuất Phần mềm Vinam đã trả trước đến ngày 30/06/2023 là 10.000.000.000 VND. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Cổ phần Phần mềm Vinam đã thu lại được toàn bộ số tiền ứng trước do 2 bên hủy hợp đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

(5) Công ty thực hiện trả trước cho các Hợp đồng sau:

- Trả trước 3.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 0812/2022/HĐKT/NNHB-HALONG giữa Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo và công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại máy nông nghiệp Hòa Bình ký ngày 08/12/2022 về việc mua máy móc thiết bị (máy cày nông nghiệp). Công ty đã gia hạn thời gian giao hàng đến 01/07/2024 theo phụ lục Hợp đồng số 1001/PLHĐ/NNHB-HALONG ngày 01/07/2023. Đến ngày phát hành báo cáo này, hợp đồng vẫn chưa được thực hiện.
- Trả trước 8.000.000.000 đồng theo hợp đồng 2005/2023/HĐKT/NNHB-VNSG giữa Công ty TNHH Vinam Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại máy nông nghiệp Hòa Bình ký ngày 20/5/2023 về việc mua bán máy móc thiết bị (máy nông nghiệp). Thời gian giao hàng của hợp đồng là 180 ngày. Đến ngày phát hành báo cáo này, hợp đồng chưa được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7 . PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	16.744.000	-	23.666.309	-
Đặt cọc tiền thuê nhà	93.000.000	-	93.000.000	-
Phải thu khác	158.164.383	-	-	-
	267.908.383	-	116.666.309	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	79.254.247	-	79.254.247	-
Công cụ, dụng cụ	37.962.963	-	37.962.963	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	66.666.670	-	-	-
Hàng hoá	40.398.429.968	-	35.654.031.382	-
<i>Phần mềm máy tính</i>				
<i>Phục vụ hoạt động</i>	17.997.139.130	-	17.937.666.718	-
<i>ngành y (i)</i>				
<i>Máy cày nông nghiệp</i>	10.860.730.000	-	-	-
<i>Lò đốt rác chuyên dụng</i>	5.000.000.000	-	-	-
<i>Hàng hóa khác</i>	6.540.560.838	-	17.716.364.664	-
	40.582.313.848	-	35.771.248.592	-

(i) Hàng hóa là phần mềm máy tính chuyên dụng phục vụ hoạt động ngành y và được Công ty lưu trữ trong thiết bị lưu trữ chuyên dụng. Tài thời điểm phát hành báo cáo, các phần mềm này đang được chuyển giao cho khách hàng theo phương án kinh doanh được thông qua trong Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2906/NQ-HĐQT ngày 29/06/2022.

9 . TÀI SẢN DỒI DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i)	2.845.162.035	2.845.162.035		
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii)	6.090.503.830	6.090.503.830		
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Thanh Sơn	-	4.601.272.727		
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Ba Đình (iii)	3.454.662.273	3.454.662.273		
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Nguyễn Thái Sơn (iv)	6.400.272.727	6.400.272.727		
- Máy tiết trùng thực phẩm RCS-120	49.000.000	49.000.000		
- Mua sắm tài sản cố định khác	762.899.546	647.043.087		
	19.602.500.411	24.087.916.679		

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

(i): Theo Hợp đồng số 1106/2019/HD-VN-BVKVAG ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang; Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiền hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

(ii): Theo Hợp đồng số 01/2020/BVTC ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh Tân Châu. Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiền hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

Sau khi hệ thống trên được đưa vào sử dụng, Công ty sẽ thu phí chụp của Bệnh viện theo giá được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, đến thời điểm soát xét, Công ty và Bệnh viện vẫn chưa tiền hành bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống trên.

(iii) Phòng khám Ba Đình được hoạt động theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 2447/HNO-GPHD do Sở y tế Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/11/2021. Đến thời điểm soát xét, phòng khám đang lắp đặt các phần mềm quản lý tổng thể phòng khám, phần mềm quản lý nhân sự, quản lý nhà thuốc, phần mềm nhận dạng khuôn mặt, phần mềm chữ ký điện tử... phục vụ hoạt động kinh doanh và vẫn chưa chính thức đi vào hoạt động.

(iv) Phòng khám Nguyễn Thái Sơn được hoạt động theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 08931/HCM-GPHD do Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/06/2022. Đến thời điểm soát xét, phòng khám đang lắp đặt các phần mềm quản lý tổng thể phòng khám, phần mềm quản lý nhân sự, quản lý nhà thuốc, phần mềm nhận dạng khuôn mặt, phần mềm chữ ký điện tử... phục vụ hoạt động kinh doanh và vẫn chưa chính thức đi vào hoạt động.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Công VND	Công VND
Nguyễn gia			
Tại ngày 01/01/2023	12.767.422.606	12.767.422.606	
Mua sắm	248.514.905	248.514.905	
Tại ngày 30/06/2023	13.015.937.511	13.015.937.511	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	757.332.057	757.332.057	
Trích khấu hao	621.783.170	621.783.170	
Tại ngày 30/06/2023	1.379.115.227	1.379.115.227	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	12.010.090.549	12.010.090.549	
Tại ngày 30/06/2023	11.636.822.284	11.636.822.284	

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá	Phần mềm máy tính	
	VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	9.240.000.000	9.240.000.000
Tại ngày 30/06/2023	9.240.000.000	9.240.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2023	1.591.333.331	1.591.333.331
Trích khấu hao	795.666.665	795.666.665
Tại ngày 30/06/2023	2.386.999.996	2.386.999.996
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	7.648.666.669	7.648.666.669
Tại ngày 30/06/2023	6.853.000.004	6.853.000.004

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a)	Chi phí trả trước ngắn hạn		
		30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	128.064.000	-
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.026.256	56.113.476
		141.090.256	56.113.476
b)	Chi phí trả trước dài hạn		
		30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	Tiền thuê đất	1.305.564.783	1.320.794.961
	Chi phí tác quyền	133.333.330	242.413.494
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	2.276.794
	Chi phí trả trước dài hạn khác	428.685.781	430.229.879
		1.867.583.894	1.995.715.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	18.370.000.000	18.370.000.000	1.412.899.619	1.412.899.619
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ	18.370.000.000	18.370.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Cysina Việt Pháp	501.520.700	501.520.700	349.633.500	349.633.500
Công ty TNHH IVFTECH	307.068.000	307.068.000	531.193.517	531.193.517
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitracco	-	-	627.272.730	627.272.730
Công ty Liên doanh Kho lạnh Panasato	-	-	142.742.077	142.742.077
JWB CO., LTD	-	-	237.952.000	237.952.000
Các khoản phải trả khác	2.312.575.230	2.312.575.230	670.133.266	670.133.266
	39.861.163.930	39.861.163.930	3.971.826.709	3.971.826.709

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	34.212.000	34.212.000	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.140.682.775	416.178.762	1.140.682.775	-	416.178.762
Thuế Thu nhập cá nhân	-	73.826.947	74.620.718	121.529.999	-	26.917.666
Các loại thuế khác	1.000.000	-	28.000.000	27.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	207.000	207.000	-	-
	1.000.000	1.214.509.722	553.218.480	1.323.631.774	-	443.096.428

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp,
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

15 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	10.869.000	10.869.000
Bảo hiểm xã hội	34.588.963	32.321.862
Bảo hiểm y tế	3.043.994	3.384.756
Bảo hiểm thất nghiệp	1.395.329	1.712.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.468.309	241.339.210
	88.365.595	289.627.413

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	526.250.000	526.250.000
	526.250.000	526.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (i)	-	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay cá nhân	310.000.000	-	-	310.000.000	-	-
	310.000.000	310.000.000	15.000.000.000	310.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(i) Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/8989187/2023/HĐTD ngày 06/03/2023 vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội bao gồm các điều kiện cụ thể sau:

- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn lưu động, bảo lãnh lãnh toán, mở L/C;
- + Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Phương thức đảm bảo nợ vay: Thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lê Văn Hương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/8989187/HĐBĐ ngày 27/02/2023;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2023 là 15.000.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa sau thuế phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	197.999.940.000	18.956.000.000	195.900.595	57.839.226.671	10.575.902.764	285.566.970.030
Tăng trong năm trước	98.999.970.000	-	-	-	1.070.000.000	100.069.970.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	6.991.409.315	(44.600.456)	6.946.808.859
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(80.107.272)	(80.107.272)
Giảm khác	-	(37.037.037)	-	-	-	(37.037.037)
Tại ngày 31/12/2022	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	64.830.635.986	11.521.195.036	392.466.604.580
Tại ngày 01/01/2023	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	64.830.635.986	11.521.195.036	392.466.604.580
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	1.278.388.661	(38.041.786)	1.240.346.875
Tăng/giảm do hợp nhất	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000
Tại ngày 30/06/2023	296.999.910.000	18.918.962.963	195.900.595	66.109.024.647	12.083.153.250	394.306.951.455

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Nguyễn Mạnh Cường	2,76	8.200.000.000	6,06	18.000.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	2,82	8.388.000.000	6,73	20.000.000.000
Nguyễn Thị Mỹ Nhung	3,14	9.323.000.000	5,03	14.951.000.000
Cổ đông khác	91,28	271.088.910.000	82,17	244.048.910.000
	100	296.999.910.000	100	296.999.910.000

c) Các giao dịch và vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	296.999.910.000	197.999.940.000	296.999.910.000	197.999.940.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	296.999.910.000	197.999.940.000	296.999.910.000	197.999.940.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>		197.999.940.000		197.999.940.000

d) Cổ phiếu	30/06/2023		01/01/2023	
	Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	29.699.991	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29.699.991
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.699.991	29.699.991	29.699.991	29.699.991
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.699.991	29.699.991	29.699.991	29.699.991
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.699.991	29.699.991	29.699.991	29.699.991
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000	10.000	10.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 0806/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2022 (không thực hiện phân chia các quỹ, không chi trả cổ tức năm 2022) để tái đầu tư, nâng cao năng lực tài chính cho Công ty.

e) Các quỹ công ty	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595	195.900.595	195.900.595
	195.900.595	195.900.595	195.900.595	195.900.595

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	-	1.774.680.000
Doanh thu bán hàng hóa	46.509.558.630	11.870.283.229
Doanh thu cung cấp phần mềm máy tính	6.400.600.000	9.572.555.750
	52.910.158.630	23.217.518.979

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	80.924.281
Giảm giá hàng bán	102.455	-
	102.455	80.924.281

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	1.441.735.595
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.448.979.718	8.532.825.523
Giá vốn cung cấp phần mềm máy tính	4.314.513.043	512.912.211
	46.763.492.761	10.487.473.329

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	418.155.672	20.947.926
Doanh thu hoạt động tài chính khác	382.398.095	-
	800.553.767	20.947.926

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	489.599.150	18.259.720
	489.599.150	18.259.720



11/3/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	377.430.359	-
Chi phí nhân công	-	12.911.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.786.420	-
	411.216.779	12.911.262

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	73.179.139	224.516.132
Chi phí nhân công	2.188.452.730	1.714.079.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.417.449.835	783.491.800
Thuế, phí, lệ phí	24.629.583	32.565.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.279.654	1.299.731.363
Chi phí khác bằng tiền	26.460.179	19.987.671
	4.208.451.120	4.074.372.515

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	65.556.609	65.615.967
Chi phí khác	120.702.886	716.396
	186.259.495	66.332.363

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.654.005.637	8.528.690.521
Các khoản điều chỉnh tăng	863.697.693	66.332.363
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	288.140.228	66.332.363
- <i>Điều chỉnh tăng do hợp nhất</i>	575.557.465	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(436.809.522)	(6.496.611.574)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	-	2.654.943.261
- <i>Thu nhập miễn thuế (*)</i>	(436.809.522)	(9.151.554.835)
Thu nhập tính thuế TNDN	2.080.893.808	2.098.411.310
Thuế suất	20%	20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	416.178.762	419.682.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.140.682.775	2.175.077.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.140.682.775)	(381.063.910)

Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ

	416.178.762	2.213.696.324
--	-------------	---------------

(*) Thu nhập miễn thuế trong năm 2022, Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam đang áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định áp dụng với "thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực: sản xuất sản phẩm phần mềm" tại nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam đã nộp hồ sơ chứng minh quá trình sản xuất phần mềm lên Cơ quan thuế quản lý.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7 xác định được miễn thuế TNDN cho dự án mới đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.240.346.875	8.109.008.259
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.278.388.661	8.021.910.217
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	29.699.991	19.799.994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43	405

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

29 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phản phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.240.346.875	8.109.008.259
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.278.388.661	8.021.910.217
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	29.699.991	19.799.994
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm đến thời điểm soát xét	-	9.899.997
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	40.000.000	40.000.000

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

18 **115**

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	450.609.498	26.524.002
Chi phí nhân công	2.188.452.730	1.912.072.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.417.449.835	929.865.134
Thuế và các khoản lệ phí	24.629.583	32.524.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	512.066.074	1.299.772.205
Chi phí khác bằng tiền	26.460.179	19.987.671

4.619.667.899 **4.220.745.849**

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Theo Nghị quyết số 1907/2023/NQ-HĐQT ngày 19/07/2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Vinam Vũng Áng và đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn này cho Ông Hoàng Hải Quân. Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng vốn này tại ngày 19/07/2023 và thu về toàn bộ giá trị vốn góp tại Công ty TNHH Vinam Vũng Áng.

Theo Nghị quyết số 1907.01/2023/NQ-HĐQT ngày 19/07/2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty góp bổ sung thêm 19.600.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7. Tổng số vốn góp sau khi tăng thêm là 68.600.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 98% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7. Ngày 19/07/2023, Công ty đã góp đủ số vốn này.

Theo biên bản hủy hợp đồng số 1708/2023/BBHHD ngày 17/08/2023 với Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao, hai bên thống nhất hủy hợp đồng mua bán máy nông nghiệp số 0606/2023/HĐKT/CNC-CVN ký ngày 06/06/2023. Ngày 25/08/2023, Công ty đã nhận đủ số tiền 49.999.970.000 đồng đã ứng trước cho Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp,
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Mối quan hệ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Ông Đặng Việt Thắng	211.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Cường	-	150.000.000
Ông Phạm Xuân Lăng	92.500.000	-
Bà Ngô Minh Hằng	Kế toán trưởng (đã miễn nhiệm)	114.000.000

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hăng Kiềm toàn và Định giá ASCO kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hăng Kiềm toàn và Định giá ASCO soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



Phạm Thị Bích Liên
Người lập

Phạm Xuân Lăng
Kế toán trưởng

Đặng Việt Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

